

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HS-ST

Ngày: 09 - 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Cẩm Bình - Giáo viên.

Ông Hà Bửu Khánh - Nguyên bí thư Huyện đoàn Giồng Riềng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Thủ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 480/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Minh N, sinh ngày 27/10/2006 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 10 tháng 17 ngày) tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Khu phố G, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 62/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; bị tạm giữ ngày 03/9/2024 đến ngày 11/9/2024 chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Minh N: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1976 (là mẹ bị cáo, có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố G, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh N: Ông Trần Tuấn A, sinh năm: 1987 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K (có mặt).

Địa chỉ: Số E H, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Võ Thị T1, sinh năm: 1951 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố D, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 03/9/2024, Tổ tuần tra giao thông - hình sự Công an huyện G trên đường tuần tra đến cầu B thuộc khu phố F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang, phát hiện bị cáo Phạm Minh N đang điều khiển xe mô tô biển số 68G1-005.81 tham gia giao thông có biểu hiện nghi vấn nên Tổ tuần tra yêu cầu bị cáo N dừng phương tiện để kiểm tra; khi thấy Tổ tuần tra, bị cáo N lấy gói thuốc JET màu trắng trên vông xe vứt xuống đường nhưng bị phát hiện và bị yêu cầu nhặt lên để kiểm tra. Kết quả kiểm tra bên trong gói thuốc JET có chứa một bịch nylon rách cài viền màu xanh, kích thước 03cm x 2,5cm, bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể trong suốt không đồng nhất, nghi là chất ma túy và một số đồ vật khác như: Nổ thủy tinh, chai nhựa tự chế dùng để sử dụng trái phép chất ma túy.... Do đó, Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, khi bắt quả tang bị cáo N thừa nhận nhiều hạt tinh thể trong suốt, không đồng nhất trong bịch nylon rách cài viền màu xanh là chất ma túy.

Kết quả điều tra xác định được như sau: Khoảng 20 giờ, ngày 03/9/2024, sau khi làm thuê xong tại cửa hàng gas Trần N1, bị cáo N gặp bà T1 là chủ cửa hàng ứng tiền là 200.000 đồng và điều khiển xe mô tô biển số 68G1-005.81 (bà T1 là chủ sở hữu) về nhà như hằng ngày. Tuy nhiên, bị cáo N nảy sinh ý định sử dụng trái phép chất ma túy nên điều khiển xe đến nhà người tên A1 thuộc khu phố C, thị trấn G, huyện G để mua ma túy về nhà sử dụng, khi đến nơi bị cáo bấm chuông và có người thanh niên (người này không phải tên A1) ra mở cửa, bị cáo N hỏi mua ma túy với giá là 200.000 đồng, khoảng 05 phút sau người thanh niên đưa cho bị cáo gói thuốc JET bên trong chứa ma túy. Sau đó, bị cáo để gói thuốc JET bên trong chứa ma túy trên vông xe và điều khiển xe đến tiệm T2 để mua thẻ cào điện thoại, khi qua cầu B thuộc khu phố F, thị trấn G, huyện G thì bị bắt quả tang.

Ngày 11/9/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố Phạm Minh N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Vật chứng thu giữ được trong vụ án:

+ Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 0,2078 đựng trong một bịch nylon và bao gói đựng mẫu được niêm phong trong một phong bì, ký hiệu vụ số 977/2024.

+ 01 (một) vỏ gói thuốc JET màu trắng, bị rách.

+ 01 (một) nổ thủy tinh bị vỡ đầu hình cầu.

+ 02 (hai) đoạn ống hút màu đỏ (trong đó, có 01 đoạn được hàn kín một đầu).

+ 01 (một) nắp chai màu trắng, bên trên có 02 lỗ.

+ 02 (hai) bật lửa (một bật lửa nhãn hiệu Hoa Việt đã bị hỏng phần đầu, bên trong có 02 hột xí ngầu và 01 bật lửa nhãn hiệu TANAKA màu xanh).

+ 01 (một) vỏ chai nhựa tự chế.

+ Một xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu đen, biển số 68G1-005.81, số khung: M100A34S631313, số máy: GT631313 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động).

+ Một điện thoại di động OPPO, loại F11 Pro, màu tím-đen, số IME1: 863980043724573, số IME2: 863980043724565, bị vỡ màn hình (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động) và sim số thuê bao 0349766073.

+ Tiền Việt Nam là 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận giám định số: 937/KL-KTHS ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh K kết luận về đối tượng giám định:

Nhiều hạt tinh thể trong suốt, không đồng nhất chứa trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu giám định là 0,2236 gam.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N, người đại diện, người bào chữa cho bị cáo N và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về bản kết luận giám định nêu trên.

Bản cáo trạng số: 74/CT-VKS ngày 14/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Phạm Minh N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo N về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 98 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo N từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị tổng hợp hình phạt với Bản án số: 62/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, xử phạt bị cáo Phạm Minh N 12 (mười hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, do bị cáo N là người dưới 18 tuổi phạm tội.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Trả cho bị cáo N: Một điện thoại di động OPPO, loại F11 Pro, màu tím-đen, số IME1: 863980043724573, số IME2: 863980043724565, bị vỡ màn hình (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động) cùng sim số thuê bao 0349766073 và tiền Việt Nam là 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng).

Trả cho bà Võ Thị T1: Một xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu đen, biển số 68G1-005.81, số khung: M100A34S631313, số máy: GT631313 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động).

Tiêu hủy các vật chứng còn lại trong vụ án.

Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo N (theo bị cáo N khai) chưa xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể, chưa chứng minh được hành vi vi phạm, khi có đủ căn cứ Cơ quan điều tra xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với Nguyễn Phước A1, kết quả điều tra chưa chứng minh được hành vi vi phạm liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy, Cơ quan điều tra sẽ xử lý khi có đủ căn cứ.

Trình bày của người bào chữa cho bị cáo N:

Thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, truy tố bị cáo N về tội danh và các điều luật áp dụng, thống nhất về tình tiết giảm nhẹ Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo N có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thiếu sự hỗ trợ về điều kiện sống, học tập của gia đình và các tổ chức, đoàn thể ở địa phương, có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, tại thời điểm phạm tội bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Do đó, đề nghị xử phạt bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là tương xứng với hành vi vi phạm và đủ tính răn đe.

Bà Nguyễn Thị L người đại diện hợp pháp của bị cáo N trình bày:

Bà là mẹ của bị cáo N, bị cáo thiếu sự quan tâm, giáo dục của gia đình và hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra, bà Võ Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:

Bà là chủ sở hữu xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu đen, biển số 68G1-005.81, bị cáo N là người làm thuê cho bà. Do đó, bà giao xe mô tô trên cho bị cáo N làm phương tiện để giao hàng và cho bị cáo mượn để làm phương tiện đi lại trong việc làm thuê. Bà không biết việc bị cáo N điều khiển xe mô tô của bà đi mua ma túy, đề nghị được nhận lại tài sản là xe mô tô nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo N biết hành vi tàng trữ trái phép ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, hoàn cảnh gia đình khó khăn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện - người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo N thừa nhận hành vi vi phạm của bị cáo đúng với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Cụ thể: Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 03/9/2024, bị cáo có hành vi cất giấu ma túy trên xe mô tô đang điều khiển tham gia giao thông, khi đến địa phận thuộc khu phố F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang thì bị lực lượng Công an yêu cầu dừng phương tiện kiểm tra và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo điều khiển xe mô tô của bà T1 đi mua ma túy thì bà T1 không biết.

Về nguồn gốc ma túy: Chất ma túy do Công an thu giữ là của bị cáo mua của người thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ) với giá là 200.000 đồng, mục đích để sử dụng.

Kết luận giám định: Nhiều hạt tinh thể trong suốt, không đồng nhất chứa trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu giám định là 0,2236 gam, mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 0,2078.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, số thứ tự 323 của Nghị định số: 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ do Nhà nước thống nhất quản lý, nghiêm cấm các hành vi tàng trữ, mua bán và sử dụng trái phép, mọi hành vi vi phạm phải được xử lý nghiêm.

Như vậy, lời khai nhận của bị cáo N về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đã phù hợp với các tình tiết của vụ án, với bản kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh K và các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Bị cáo N có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho bản thân, cho xã hội đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên cần áp dụng những quy định của Bộ luật Hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Đối chiếu hành vi của bị cáo N với quy định của Bộ luật hình sự đã đủ căn cứ kết luận bị cáo N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, truy tố bị cáo N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo N nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật. Cho nên, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo N thành khẩn khai báo có thái độ ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm. Do đó, có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

Về nhân thân: Bản án số 62/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, xử phạt bị cáo Phạm Minh N 12 (mười hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Do đó, bị cáo có nhân thân xấu được xem xét khi quyết định hình phạt.

[4]. Về hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tuy nhiên, bị cáo N là người dưới 18 tuổi phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về việc tổng hợp hình phạt:

Ngày 30/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xử phạt bị cáo Phạm Minh N là 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 09/01/2024 đến ngày 18/01/2024. Tuy nhiên, bị cáo chưa chấp hành bản án này. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt với tội đang xét xử và sau đó sẽ tổng hợp hình phạt chung của bản án nêu trên đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả cho bị cáo N: Một điện thoại di động OPPO, loại F11 Pro, màu tím-đen, số IME1: 863980043724573, số IME2: 863980043724565, bị vỡ màn hình (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động) cùng sim số thuê bao 0349766073 và tiền Việt Nam là 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng), do không có liên quan đến hành vi phạm tội.

Trả cho bà Võ Thị T1: Một xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu đen, biển số 68G1-005.81, số khung: M100A34S631313, số máy: GT631313 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động), do không có liên quan đến hành vi phạm tội.

Tiêu hủy các vật chứng sau đây do bị cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng:

Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 0,2078 đựng trong một bịch nylon và bao gói đựng mẫu được niêm phong trong một phong bì, ký hiệu vụ số 977/2024.

01 (một) vỏ gói thuốc JET màu trắng, bị rách; 01 (một) nỏ thủy tinh bị vỡ đầu hình cầu; 02 (hai) đoạn ống hút màu đỏ (trong đó, có 01 đoạn được hàn kín một đầu); 01 (một) nắp chai màu trắng, bên trên có 02 lỗ; 02 (hai) bật lửa (một bật lửa nhãn hiệu Hoa Việt đã bị hỏng phần đầu, bên trong có 02 hạt xí ngầu và 01 bật lửa nhãn hiệu TANAKA màu xanh) và 01 (một) vỏ chai nhựa tự chế.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Minh N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh N 15 (mười lăm) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt với Bản án số: 62/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, xử phạt bị cáo Phạm Minh N 12 (mười hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Bị cáo Phạm Minh N phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 03/9/2024 (nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 09/01/2024 đến ngày 18/01/2024, theo Bản án số: 62/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 nêu trên).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả cho bị cáo Phạm Minh N: Một điện thoại di động OPPO, loại F11 Pro, màu tím-đen, số IME1: 863980043724573, số IME2: 863980043724565, bị vỡ màn hình (đã

qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động) cùng sim số thuê bao 0349766073 và tiền Việt Nam là 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng).

Trả cho bà Võ Thị T1: Một xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu đen, biển số 68G1-005.81, số khung: M100A34S631313, số máy: GT631313 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động).

Tiêu hủy các vật chứng sau:

Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 0,2078 đựng trong một bịch nylon và bao gói đựng mẫu được niêm phong trong một phong bì, ký hiệu vụ số 977/2024.

01 (một) vỏ gói thuốc JET màu trắng, bị rách; 01 (một) nỏ thủy tinh bị vỡ đầu hình cầu; 02 (hai) đoạn ống hút màu đỏ (trong đó, có 01 đoạn được hàn kín một đầu); 01 (một) nắp chai màu trắng, bên trên có 02 lỗ; 02 (hai) bật lửa (một bật lửa nhãn hiệu Hoa Việt đã bị hỏng phần đầu, bên trong có 02 hạt xí ngầu và 01 bật lửa nhãn hiệu TANAKA màu xanh) và 01 (một) vỏ chai nhựa tự chế.

Các vật chứng nêu trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang quản lý, theo quyết định chuyển vật chứng số: 52/QĐ-VKS ngày 14/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Trừ vật chứng tiền Việt Nam là 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng), ông Nguyễn Hoàng L1 tạm nộp tại kho bạc Nhà nước huyện G, theo giấy nộp tiền ngày 30/9/2024).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Phạm Minh N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Phạm Minh N, người đại diện - người bào chữa cho bị cáo N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09/01/2025); bà Võ Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Nhà tạm giữ CA Giồng Riềng;
- Cơ quan điều tra CA Giồng Riềng;
- CQ Thi hành án huyện Giồng Riềng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn (nơi bị cáo cư trú);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát